

B GIAO THÔNG V N T I
B GIAO THÔNG V N T I

C NG HđA Xí H I CH NGHAA VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph³c

B NG ñI M CHI TI T MĐN H C - MĐN KI M TRA

NÑñ h c : 2013-2014

L p h c : T t c

H c km : HK01

Mññ h c : Thi cñng c u 1

STT	MÃ SV	H Vĩ TĩN		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3551010019	Ng» VÑñ	C ng	7.0	6.0	7.5	6.0	8.0		4.5			6.3	6.3			
2	3551010153	Nguy n Thñh	Chi n	6.0	6.0	8.0	7.0	6.0		4.5			6.1	6.1			
3	3551010143	Mai VÑñ	Chung	7.0	8.0	8.0	9.0	8.0		7.0			7.8	7.8			
4	3551010035	H Qu'	D u	7.0	8.0	6.0	7.0	8.0		6.5			7.0	7.0			
5	3551010087	Tr n Anh	ĐHog	8.0	7.0	8.0	6.0	7.0		4.5			6.6	6.6			
6	3551010129	Phan Hoài	D ng	6.0	7.0	6.0	6.0	5.5		7.5			6.4	6.4			
7	3551010120	Chªu Nh t	ñ ang	6.0	6.5	9.0	7.0	6.0		5.0			6.5	6.5			
8	3551010126	Nguy n ñ »ng	ñ c	8.0	6.0	7.0	6.0	6.0		6.5			6.6	6.6			
9	3551010235	Nguy n M nh	Hà	7.0	6.5	8.0	7.0	8.0		1.5			6.0	6.0			
10	3551010114	Nguy n Hoñg	H i	6.0	5.0	5.5	5.0	6.0		4.5			5.3	5.3			
11	3551010025	Phan VÑñ	H i	7.0	6.0	7.0	8.0	7.0		5.0			6.5	6.5			
12	3551010085	VHñ nh	Hi n	6.0	7.0	5.0	6.0	5.0		4.5			5.5	5.5			
13	3551010306	Tr n Trung	Hi u	6.0	5.0	6.5	5.0	5.0		6.0			5.6	5.6			
14	3551010324	Tr n VHCKh c	Hoài	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
15	3551010015	Nguy n H u	Hoàng	4.0	5.0	7.0	4.5	4.0		6.5			5.3	5.3			
16	3451010020	Ph m Xuª n	Hoàng	8.0	6.0	7.0	6.0	6.0		3.0			5.8	5.8			
17	3551010046	ñ oñ Thanh	Hùng	7.0	5.0	7.0	7.0	8.0		6.0			6.6	6.6			
18	3551010037	Nguy n Qu c	H ng	6.0	7.0	6.0	6.5	6.0		3.0			5.5	5.5			
19	3551010384	Nguy n ñ Ñg	Khôi	6.0	5.0	6.5	5.0	5.0		3.5			5.0	5.0			
20	3551010097	Huñh Th i	Lai	8.0	7.0	6.0	7.5	7.0		4.0			6.4	6.4			
21	3551010093	Bçi VÑñ	L u	4.0	5.0	5.0	6.0	5.0		0.0			3.8	3.8			
22	3551010271	LÑg Tr ng	L c	6.0	5.0	4.0	5.0	5.0		7.5			5.6	5.6			
23	3551010039	D ng Xuª n	Nam	5.0	6.0	7.0	5.5	6.0		6.0			5.9	5.9			
24	3551010009	Nguy n Giang	Nam	7.0	7.0	7.5	6.0	7.0		7.0			6.9	6.9			
25	3551010370	Ph m H ng	Nam	4.0	3.0	4.5	3.0	4.0		4.5			3.9	3.9			
26	3551010079	Tr n VÑñ	Nam	7.0	7.0	5.0	8.0	6.0		7.0			6.7	6.7			
27	3551010107	Ph m VÑñ	Nghi p	5.0	7.0	6.0	8.0	5.0		3.5			5.6	5.6			
28	3551010012	Lê Trung	Nghĩa	5.5	6.0	6.0	7.0	6.0		2.5			5.3	5.3			
29	3551010103	ñ VÑñ H ng	Phong	5.0	4.5	5.0	5.0	4.0		5.5			4.9	4.9			

STT	MÃ SV	H Vĩ Tc N		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3551010304	Tr n Duy	Phúc	5.0	6.0	5.5	7.0	5.0		6.5			5.9	5.9			
31	3551010182	Tr n ñ i	Phúc	8.0	7.0	5.0	6.0	7.0		7.0			6.7	6.7			
32	3551010156	T» VÑh	Ph ng	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0		3.5			6.3	6.3			
33	3551010071	ñ @ Ng c	Quý	7.0	5.0	6.5	6.0	6.0		1.0			4.9	4.9			
34	3551010417	Tr n Th i	S n	5.0	4.5	6.0	5.0	6.0		2.0			4.5	4.5			
35	3551010007	Nguy n Tr n Ph t	Tài	5.0	7.0	6.0	7.0	5.0		4.0			5.5	5.5			
36	3551010357	Nguy n VÑh	Ti ng	7.0	6.0	6.5	6.0	5.0		3.0			5.4	5.4			
37	3551010095	V½VÑh	TBh	6.0	4.5	5.0	6.0	6.0		7.5			6.0	6.0			
38	3551010247	V½VÑh	Tu n	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0		6.0			6.8	6.8			
39	3551010418	Nguy n VÑh	Tú	7.0	5.5	5.0	6.0	7.0		6.5			6.2	6.2			
40	3551010387	Ph m Thanh	Tú	7.0	8.0	6.0	6.0	8.0		5.0			6.5	6.5			
41	3551010312	Lê Xuân	Thành	5.0	6.0	5.0	5.0	4.5		5.0			5.1	5.1			
42	3551010010	Lê Thành	Thái	6.5	8.0	7.0	6.0	8.0		7.0			7.1	7.1			
43	3551010020	VÑh C»ng	Th ch	4.5	6.0	5.0	6.0	5.0		3.0			4.8	4.8			
44	3551010134	ñ inh C»ng	Th ng	5.0	5.0	6.0	4.0	5.0		7.0			5.5	5.5			
45	3551010375	Phan VÑh	Th ng	4.3	6.0	5.0	5.0	6.0		2.0			4.5	4.5			
46	3551010036	Nguy n To @	Thi	6.0	7.0	5.0	6.0	6.5		6.0			6.1	6.1			
47	3551010346	Nguy n Vi t	Thu n	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
48	3551010392	Võ Thanh	Trí	6.0	4.5	5.0	6.0	5.0		3.5			4.9	4.9			
49	3551010412	Nguy n VÑh	Trung	5.5	4.0	5.0	4.0	4.0		6.5			5.0	5.0			
50	3551010158	H ñ c	Tr ng	5.5	5.0	4.0	4.0	5.0		7.0			5.2	5.2			
51	3551010140	Tr nh Dung	Vi t	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
52	3551010056	Nguy n Tu n	VHO	6.0	7.0	5.5	7.0	8.0		4.0			6.1	6.1			

T ng s : 52 h c sinh - sinh vi²n.

X p lo i	S l ng	T l (%)
ñ t	41	77
Kh»ng ñ t	12	22

Tp.HCM, ng@ 13 th ng 1 nÑn 2014

Tr ng Khoa

Gi o vi²n b m»n

Gi o v Khoa